TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13-02-2019
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trí Thuyết

2. Bà Đỗ Thị Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Hạnh, cán bộ Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai *tham gia phiên tòa:* Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Ngọc A, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 815/18 đường T, tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Quang B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu tập thể xí nghiệp T, tổ dân phố 13, thị trấn C, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc A và anh Đinh Quang B qua một thời gian tìm hiểu yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 14/5/2014. Sau khi kết hôn chị và anh B chung sống hạnh phúc được một thời gian thì chồng bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị A đã rất nhiều lần tha thứ cho anh B nhưng anh B vẫn không dừng mối quan hệ đó lại. Từ đó tình cảm giữa hai vợ chồng bắt đầu rạn nứt, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Cho đến bây giờ, chị A và anh B đã sống ly thân được gần một năm. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Đặng Thị Ngọc A và anh Đinh Quang B có 01 con chung, cháu tên là: Đinh Đặng Hoài A, sinh ngày 25/3/2015. Hiện tại cháu A đang ở với gia đình chị A, khi ly hôn chị A muốn được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu A, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu A trưởng thành và tự lập được.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 21/9/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay, bị đơn anh Đinh Quang B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Quang B và chị Đặng Thị Ngọc A tự nguyện đến với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 14/5/2014. Anh Đinh Quang B công nhận anh và chị A đã sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay, giữa vợ chồng anh đã xảy ra một số hiểu lầm cá nhân dẫn đến mâu thuẫn, nhưng anh B cho rằng chưa đến mức ly hôn, anh B nhận thấy tình cảm mà anh dành cho chị A vẫn còn, anh B không muốn con phải sống không có đầy đủ tình thương của cha và mẹ. Chính vì vậy anh B mong muốn Toà án hoà giải đoàn tụ để cho vợ chồng có thể về chung sống hoà thuận với nhau, anh B không muốn ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh B và chị A có 01 con chung, cháu tên là: Đinh Đặng Hoài A, sinh ngày 25/3/2015. Trong trường hợp chị A cương quyết ly hôn, anh B không đồng ý giao con chung cho chị A nuôi dưỡng và chăm sóc vì anh cho rằng chị A không đủ điều kiện kinh tế và thời gian để chăm sóc nuôi con, anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 Luật Hôn nhân và gia đình xử: chị Đặng Thị Ngọc A được ly hôn với anh Đinh Quang B. Về con chung: giao cháu Đinh Đặng Hoài A, sinh ngày 25/3/2015 cho chị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A thành niên và tự lập được; về tài sản chung và nợ

chung: Miễn xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí, lệ phí theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Đinh Quang B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 19/7/2018, nguyên đơn chị Đặng Thị Ngọc A có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Đinh Quang B và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị A đúng quy định, anh Đinh Quang B có nơi cư trú tại tổ dân phố 13, thị trấn C, huyện Chư Sê nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị Ngọc A, anh Đinh Quang B và yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Ngọc A thấy rằng:

Chị Đặng Thị Ngọc A, anh Đinh Quang B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 14/5/2014. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Qua lời trình bày của chị A thì trong quá trình chung sống, giữa chị và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là anh B có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác, chị A đã rất nhiều lần yêu cầu anh B chấm dứt mối quan hệ đó nhưng không có kết quả, từ đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại nhiều lần, chị A cảm thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Sau một thời gian ly thân để suy nghĩ nghiêm túc về tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh B, chị A nhận thấy không còn chút tình cảm gì với anh B nữa, yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B. Về phía anh B cho rằng trước đó do có một số chuyện hiểu lầm giữa hai vợ chồng nên anh và chị A đã sống ly thân, lúc vợ chồng còn sống chung với nhau thì từ những hiểu lầm trước đó mà vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức ly hôn. Anh B mong muốn Toà án hoà giải đoàn tụ để cho vợ chồng có thể về chung sống hoà thuận với nhau, anh B không đồng ý ly hôn với chị A.

Kết quả xác minh về những mâu thuẫn hôn nhân giữa chị A và anh B tại nơi cư trú thể hiện mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị là có thật. Cụ thể tại Biên bản xác minh ngày 13/10/2018, ông Đặng Văn T và bà Bùi Thị Đ là cha mẹ ruột của chị A

cho biết trong quá trình chung sống chị A và anh B thường xuyên cãi nhau, hiện tại chị A và anh B đã sống ly thân gần một năm nay.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên chị A rút đơn khởi kiện xin ly hôn để quay về đoàn tụ với anh B nhưng chị A kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B với lý do vợ chồng chị đã mâu thuẫn từ lâu, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, bản thân chị A hiện không còn tình cảm với anh B.

Xét mâu thuẫn hôn nhân giữa chị A và anh B là có thật, vợ chồng đã ly thân, không sống chung với nhau một thời gian dài, chị A không còn tình cảm yêu thương anh B nên kiên quyết xin ly hôn; xác nhận của gia đình nơi mà trước đây chị A và anh B đã chung sống, công nhận vợ chồng chị A và anh B có những mâu thuẫn mới dẫn tới sống ly thân. Điều này thể hiện đời sống hôn nhân của chị A và anh B đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, nếu sống chung cũng không hạnh phúc. Do đó căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị A và anh B có 01 con chung, là cháu Đinh Đặng Hoài A, sinh ngày 25/3/2015, chị A yêu cầu được nuôi con. Tuy nhiên anh B không đồng ý giao con chung cho chị A nuôi dưỡng và chăm sóc vì anh cho rằng chị A không đủ điều kiện kinh tế và thời gian để chăm sóc nuôi con, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu A. Hội đồng xét xử xét thấy điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục cháu A của anh B và chị A là ngang nhau, tuy nhiên hiện cháu Đinh Đặng Hoài A đang sinh sống ổn định với gia đình chị A và cháu A còn quá nhỏ tuổi, nên Hội đồng xét xử giao cháu Đinh Đặng Hoài A, sinh ngày 25/3/2015 cho chị A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A yêu cầu anh B cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng để nuôi con cho đến khi con trưởng thành và tự lập được. Hội đồng xét xử xét thấy anh B có công việc và thu nhập ổn định, với mức lương mỗi tháng là 6.908.000 đồng, tuy nhiên mức tiền cấp dưỡng theo yêu cầu của chị A là cao so với thu nhập của anh B. Căn cứ vào các Điều 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh B và nhu cầu thiết yếu của cháu A. Hội đồng xét xử buộc anh Đinh Quang B phải cấp dưỡng nuôi con chung là Đinh Đặng Hoài A, sinh ngày 25/3/2015, mỗi tháng là 1.500.000 đồng, tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị A được nhận số tiền này để nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung*:* Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và buộc anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí lệ phí kèm theo NghịQuyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Đặng Thị Ngọc A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Ngọc A được ly hôn với anh Đinh Quang B

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Đặng Hoài A, sinh ngày 25/3/2015 cho chị Đặng Thị Ngọc A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đinh Quang B cấp dưỡng nuôi cháu là Đinh Đặng Hoài A, sinh ngày 25/3/2015 mỗi tháng là 1.500.000 đồng, kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu A thành niên và có khả năng lao động hoặc chưa thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị A được nhận số tiền này để nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007607 ngày 21/9/2018 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Buộc anh Đinh Quang B phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/02/2019), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
-VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Tiến Sỹ